

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN ISO 14021:2017

ISO 14021:2016

Xuất bản lần 3

**NHÃN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG BỐ VỀ MÔI TRƯỜNG -
TỰ CÔNG BỐ VỀ MÔI TRƯỜNG
(GHI NHÃN MÔI TRƯỜNG KIỂU II)**

*Environmental labels and declarations -
Self-declared environmental claims (Type II environmental labelling)*

HÀ NỘI - 2017

Mục lục

	Trang
Lời giới thiệu.....	5
1 Phạm vi áp dụng.....	7
2 Tài liệu viện dẫn.....	7
3 Thuật ngữ và định nghĩa.....	7
4 Mục tiêu của việc tự công bố về môi trường.....	11
5 Các yêu cầu áp dụng cho tất cả các hình thức tự công bố về môi trường.....	12
5.1 Khái quát.....	12
5.2 Mối quan hệ với TCVN ISO 14020.....	12
5.3 Công bố không cụ thể hoặc mập mờ.....	12
5.4 Công bố "...không có/không chứa".....	12
5.5 Công bố về tính bền vững.....	12
5.6 Sử dụng phần giải thích.....	12
5.7 Các yêu cầu cụ thể.....	12
5.8 Dùng biểu tượng để thực hiện các công bố về môi trường.....	14
5.9 Các công bố hoặc thông tin khác.....	14
6 Các yêu cầu kiểm định công bố và đánh giá.....	15
6.1 Trách nhiệm của người công bố.....	15
6.2 Độ tin cậy của phương pháp luận đánh giá.....	16
6.3 Đánh giá các công bố so sánh.....	16
6.4 Lựa chọn các phương pháp.....	17
6.5 Tiếp cận với thông tin.....	17
7 Các yêu cầu cụ thể đối với các công bố đã được lựa chọn.....	18
7.1 Khái quát.....	18
7.2 Có thể chế biến thành phân bón.....	19
7.4 Được thiết kế để tháo rời.....	21
7.5 Sản phẩm có tuổi thọ được kéo dài.....	22
7.6 Năng lượng được thu hồi.....	23
7.7 Có thể tái chế.....	24
7.8 Hàm lượng được tái chế.....	25
7.9 Tiêu thụ năng lượng ít hơn.....	27
7.10 Sử dụng tài nguyên ít hơn.....	28
7.11 Tiêu thụ nước ít hơn.....	29
7.12 Có thể sử dụng lại và có thể chứa lại.....	29
7.13 Giảm bớt chất thải.....	31
7.14 Vật liệu có thể tái tạo.....	31
7.15 Năng lượng có thể tái tạo.....	32
7.16 Bền vững.....	33
7.17 Công bố liên quan đến phát thải khí nhà kính.....	33
Phụ lục A (tham khảo) Lược đồ về một hệ thống tái chế.....	35
Thư mục tài liệu tham khảo.....	36

TCVN ISO 14021:2017

Lời nói đầu

TCVN ISO 14021:2017 thay thế cho TCVN ISO 14021:2013

TCVN ISO 14021:2017 hoàn toàn tương đương với ISO 14021:2016.

TCVN ISO 14021:2017 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 207 *Quản lý môi trường* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Lời giới thiệu

Việc tăng nhanh của các công bố về môi trường đã tạo ra nhu cầu đối với các tiêu chuẩn ghi nhãn môi trường dùng cho việc xem xét, cân nhắc toàn bộ các khía cạnh liên quan đến vòng đời sản phẩm khi soạn thảo các loại công bố. Tự công bố về môi trường có thể do các nhà sản xuất, nhà nhập khẩu, nhà phân phối, nhà bán lẻ tiến hành hoặc do bất cứ ai có lợi ích từ việc công bố đó thực hiện. Các công bố về môi trường cho sản phẩm có thể thực hiện bằng hình thức lời văn, biểu tượng hoặc minh họa bằng đồ thị trên nhãn sản phẩm hoặc bao bì, hoặc trong bản giới thiệu sản phẩm, bản tin kỹ thuật, quảng cáo, chào hàng, tiếp thị từ xa cũng như thông qua các phương tiện điện tử hoặc kỹ thuật số như mạng internet.

Trong các hình thức tự công bố về môi trường, điều cơ bản là phải đảm bảo tính tin cậy. Điều này quan trọng vì việc kiểm định được tiến hành đầy đủ để tránh các ảnh hưởng bất lợi cho thị trường như các hàng rào thương mại hay cạnh tranh không bình đẳng mà có thể nảy sinh từ các công bố về môi trường không đáng tin cậy và không trung thực. Phương pháp luận đánh giá do những người ra công bố sử dụng cũng phải rõ ràng, công khai, hợp lý về mặt khoa học và phải được lập thành văn bản sao cho những ai mua hoặc sẽ mua sản phẩm có thể được đảm bảo về tính đúng đắn của các hình thức công bố đó.

Nhãn môi trường và công bố về môi trường - Tự công bố về môi trường (Ghi nhãn môi trường kiểu II)

Environmental labels and declarations – Self-declared environmental claims (Type II environmental labelling)

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các yêu cầu để tự công bố về môi trường, bao gồm các công bố bằng lời văn, bằng biểu tượng, hình vẽ lên trên sản phẩm. Tiêu chuẩn này còn mô tả các thuật ngữ được lựa chọn dùng thông dụng trong các công bố về môi trường và đưa ra các yêu cầu mức độ sử dụng các thuật ngữ đó. Tiêu chuẩn này cũng mô tả sự đánh giá và phương pháp luận kiểm định chung đối với việc tự công bố về môi trường, các phương pháp đánh giá và phương pháp kiểm định cụ thể đối với các hình thức công bố đã chọn trong tiêu chuẩn này.

Tiêu chuẩn này không ngăn cản, huỷ bỏ, hoặc thay đổi các thông tin, công bố hoặc ghi nhãn môi trường mang tính pháp lý yêu cầu, hoặc bất kỳ các quy định nào khác của pháp luật.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

TCVN ISO 14020, *Nhãn môi trường và bản công bố môi trường – Nguyên tắc chung*.

ISO 7000, *Graphical symbols for use on equipment – Registered symbols (Các biểu tượng đồ hoạ sử dụng trên thiết bị – Các biểu tượng đã đăng ký)*.

ISO/TS 14067, *Greenhouse gases – Carbon footprint of products – Requirements and guidelines for quantification and communication (Khí nhà kính – Dấu vết cacbon của sản phẩm – Các yêu cầu và hướng dẫn đối với định lượng và trao đổi thông tin)*.

3 Thuật ngữ và định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau.

3.1 Thuật ngữ chung

3.1.1

Sinh khối (biomass)

Vật liệu có nguồn gốc sinh học, không bao gồm nguyên liệu gắn với sự hình thành địa chất hay chuyển hóa thành nguyên liệu hóa thạch và không bao gồm than bùn.

CHÚ THÍCH: Sinh khối bao gồm các vật liệu hữu cơ (cả còn sống hoặc đã chết) ở trên và dưới mặt đất, ví dụ như cây, cỏ, xác cây, tảo, động vật và chất thải có nguồn gốc sinh học, như phân bón.

3.1.2

Sản phẩm đồng hành (co-product)

Hai hay nhiều sản phẩm được tạo ra từ cùng một quá trình đơn vị.

[NGUỒN: TCVN ISO 14044:2011, 3.10, có sửa đổi]

3.1.3

Khía cạnh môi trường (environment aspect)

Yếu tố của các hoạt động hoặc sản phẩm của một tổ chức có thể tác động qua lại với môi trường.

3.1.4

Công bố về môi trường (environmental claim)

Phát biểu bằng lời, biểu tượng hoặc hình vẽ minh họa chỉ ra một khía cạnh môi trường nào đó của một sản phẩm, thành phần hoặc của bao bì sản phẩm.

CHÚ THÍCH: Một công bố về môi trường có thể được làm trên sản phẩm hoặc các nhãn bao bì, thông qua mô tả sản phẩm, thông báo kỹ thuật, quảng cáo, chào hàng, ấn phẩm, tiếp thị từ xa, cũng như thông qua phương tiện điện tử hoặc kỹ thuật số như mạng Internet.

3.1.5

Kiểm định công bố về môi trường (environmental claim verification)

Sự xác định tính đúng đắn của công bố về môi trường bằng cách sử dụng tiêu chí và các quy trình cụ thể đã định để đảm bảo độ tin cậy của các dữ liệu.

3.1.6

Tác động môi trường (environmental impact)

Bất kỳ một sự thay đổi nào gây ra cho môi trường, dù là có hại hoặc có lợi, toàn bộ hoặc từng phần do các hoạt động hoặc sản phẩm của một tổ chức gây ra.

3.1.7

Phản giải thích (explanatory statement)

Bất kỳ sự giải thích nào cần thiết hoặc được đưa ra giúp cho khách hàng, khách hàng tiềm năng hoặc người sử dụng sản phẩm hiểu được đầy đủ về một công bố về môi trường.

3.1.8

Đơn vị chức năng (functional unit)

Đặc tính định lượng của một hệ thống sản phẩm để sử dụng như một đơn vị chuẩn trong một cuộc nghiên cứu đánh giá vòng đời của sản phẩm.

[NGUỒN: TCVN ISO 14040:2009, 3.20, có sửa đổi]

3.1.9

Khí nhà kính (greenhouse gas)**GHG**

Thành phần thể khí của khí quyển, do cả từ tự nhiên và con người tạo ra, hấp thụ và bức xạ ở các bước sóng riêng trong phổ bức xạ hồng ngoại do bề mặt trái đất, khí quyển và các đám mây phát ra.

CHÚ THÍCH 1: Khí nhà kính bao gồm cacbon đioxit (CO_2), metan (CH_4), dinitơ oxit (N_2O), các hợp chất hydro florua cacbon (HFCs), các hợp chất perfluorua cacbon (PFCs), và sunfua hexaflorit (SF_6).

CHÚ THÍCH 2: Danh mục khí nhà kính (GHG) được công nhận do IPCC cung cấp: *Biến đổi Khí hậu 2007: Cơ sở Khoa học Vật lý*, Chương 2, Bảng 2.14.

3.1.10

Vòng đời của sản phẩm (life cycle)

Các giai đoạn liên tiếp và liên quan với nhau của một hệ thống sản phẩm, từ thu thập hoặc tạo ra các nguyên liệu thô từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên đến thải bỏ cuối cùng.

[NGUỒN: TCVN ISO 14040:2009, 3.1]

3.1.11

Phân định vật liệu (material identification)

Các từ ngữ, con số hoặc biểu tượng được dùng để ấn định cho thành phần cấu tạo của một sản phẩm hoặc bao bì.

CHÚ THÍCH 1: Một biểu tượng phân định vật liệu không được coi là một công bố về môi trường.

CHÚ THÍCH 2: Tài liệu từ [10] đến [13] trong Thư mục tài liệu tham khảo đưa ra các ví dụ về các biểu tượng phân định vật liệu trong các tiêu chuẩn quốc tế, các tiêu chuẩn quốc gia và các ấn phẩm ngành công nghiệp.

3.1.12

Sự bồi hoàn (offsetting)

Cơ chế bù đắp/đền bù/bồi hoàn cho lượng khí thải cacbon của một sản phẩm thông qua việc phòng ngừa phát thải, cắt giảm hoặc loại bỏ một lượng tương đương với lượng phát thải khí nhà kính trong một quá trình nằm ngoài ranh giới của hệ thống sản phẩm.

VÍ DỤ: Đầu tư bên ngoài vào công nghệ năng lượng tái tạo, các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trồng rừng/tái tạo rừng.

3.1.13

Bao bì (packaging)

Vật liệu được sử dụng để bảo vệ hoặc chứa đựng một sản phẩm trong quá trình vận chuyển, lưu kho, tiếp thị hoặc sử dụng.

CHÚ THÍCH: Theo tiêu chuẩn này, thuật ngữ "bao bì" cũng bao gồm mọi chi tiết được đính kèm vào hoặc lồng vào một sản phẩm hoặc thùng chứa của nó với mục đích tiếp thị sản phẩm hoặc quảng bá thông tin về sản phẩm đó.

3.1.14

Sản phẩm (product)

Mọi hàng hoá hoặc dịch vụ bất kỳ.

[NGUỒN: TCVN ISO 14040:2009, 3.9, có sửa đổi]

3.1.15

Công bố về môi trường có giới hạn (qualified environmental claim)

Công bố về môi trường kèm theo lời giải thích để mô tả các giới hạn của công bố.

3.1.16

Tự công bố về môi trường (self-declared environmental claim)

Công bố về môi trường được thực hiện do các nhà máy, hãng nhập khẩu, hãng phân phối sản phẩm, các nhà bán lẻ hoặc bất kỳ ai có lợi ích từ công bố về môi trường mà không có sự chứng nhận của bên thứ ba độc lập.

3.1.17

Phát triển bền vững (sustainable development)

Sự phát triển đáp ứng các nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu bản thân của thế hệ tương lai.

CHÚ THÍCH: Phát triển bền vững là sự tích hợp các mục tiêu về chất lượng cuộc sống cao, sức khỏe, thịnh vượng với công bằng xã hội, đồng thời duy trì khả năng hỗ trợ sự sống của trái đất trong mọi sự đa dạng của nó. Những mục tiêu xã hội, kinh tế và môi trường này là phụ thuộc và hỗ trợ lẫn nhau. Phát triển bền vững có thể được coi như một cách thức thể hiện những mong muốn rộng hơn của toàn thể xã hội.

[NGUỒN: TCVN ISO 26000:2013, 2.23]

3.1.18

Khả năng nâng cấp (upgradability)

Đặc tính của một sản phẩm cho phép các mô đun hoặc các bộ phận của nó được nâng cấp hoặc thay thế một cách riêng rẽ mà không cần thay thế toàn bộ sản phẩm.

3.1.19

Chất thải (waste)

Bất kỳ thứ gì được sinh ra hoặc được lưu giữ lại mà không còn giá trị sử dụng và được loại bỏ hoặc thải ra môi trường.

3.2 Các thuật ngữ lựa chọn thường được dùng trong tự công bố về môi trường

Các yêu cầu về sử dụng các thuật ngữ liệt kê dưới đây khi thực hiện một công bố về môi trường, được nêu trong Điều 7.

Có thể chế biến thành phân bón hữu cơ (gọi tắt là phân bón) (Compostable)	7.2.1
Có thể phân hủy (Degradable)	7.3.1
Được thiết kế để tháo rời (Designed for disassembly)	7.4.1
Sản phẩm có tuổi thọ được kéo dài (Extended life product)	7.5.1
Năng lượng được thu hồi (Recovered energy)	7.6.1
Có thể tái chế (Recyclable)	7.7.1
Hàm lượng được tái chế (Recycled content)	7.8.1.1.a)
Vật liệu trước tiêu dùng (Pre-consumer material)	7.8.1.1.a) 1)
Vật liệu sau tiêu dùng (Post-consumer material)	7.8.1.1.a) 2)
Vật liệu được tái chế (Recycled material)	7.8.1.1.b)
Vật liệu được thu hồi [Recovered (reclaimed) material]	7.8.1.1.c)
Tiêu thụ năng lượng ít hơn (Reduced energy consumption)	7.9.1
Sử dụng tài nguyên ít hơn (Reduced resource use)	7.10.1
Tiêu thụ nước ít hơn (Reduced water consumption)	7.11.1
Có thể sử dụng lại (Reusable)	7.12.1.1
Có thể chứa lại (Refillable)	7.12.1.2
Giảm bớt chất thải (Waste reduction)	7.13.1

4 Mục tiêu của việc tự công bố về môi trường

Mục đích tổng thể của công bố về môi trường và nhãn môi trường là thông qua thông tin chính xác và có thể kiểm định, không sai lệch, về các khía cạnh môi trường của sản phẩm và dịch vụ, nhằm khuyến khích nhu cầu và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ ít gây tác động đến môi trường, qua đó kích thích tiềm năng cải thiện môi trường liên tục nhờ vào động lực của thị trường. Mục tiêu của tiêu chuẩn này là hài hòa việc sử dụng tự công bố về môi trường. Dự kiến các lợi ích sẽ là:

- công bố về môi trường chính xác và có thể kiểm định được để không bị lừa dối;
- tăng cường áp lực thị trường để thúc đẩy sự cải thiện môi trường trong sản xuất, chế biến và sản phẩm;
- ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các công bố không bảo đảm;
- giảm bớt sự nhầm lẫn trên thị trường;
- tạo sự thuận lợi trong thương mại quốc tế; và
- tạo ra nhiều khả năng lựa chọn có đủ thông tin cho khách hàng, khách hàng tiềm năng và người sử dụng sản phẩm.

5 Các yêu cầu áp dụng cho tất cả các hình thức tự công bố về môi trường

5.1 Khái quát

Áp dụng các yêu cầu qui định tại Điều 5 cho mọi hình thức tự công bố về môi trường do người công bố thực hiện, dù đó chỉ là một trong số các hình thức công bố được lựa chọn từ các công bố đưa ra trong Điều 7 hoặc bất kỳ công bố về môi trường nào khác.

5.2 Mối quan hệ với TCVN ISO 14020

Ngoài các yêu cầu nêu trong tiêu chuẩn này, áp dụng cả các nguyên tắc quy định trong TCVN ISO 14020. Trong nội dung tiêu chuẩn này điều khoản nào đưa ra các yêu cầu cụ thể hơn TCVN ISO 14020, thì phải tuân theo các yêu cầu cụ thể đó.

5.3 Công bố không cụ thể hoặc mập mờ

Một công bố về môi trường không cụ thể hoặc mập mờ hoặc ngụ ý rằng một sản phẩm có lợi cho môi trường hoặc tốt cho môi trường sẽ không được sử dụng. Vì vậy không được sử dụng các công bố về môi trường như "an toàn cho môi trường", "thân thiện môi trường", "thân thiện với trái đất", "không gây ô nhiễm", "xanh", "bạn của thiên nhiên", "thân thiện với tầng ozon".

CHÚ THÍCH: Các liệt kê này là minh họa và chưa phải là tất cả.

5.4 Công bố "...không có/không chứa"

Một công bố về môi trường là "...không có/không chứa" chỉ được dùng khi mức các chất quy định không nhiều hơn mức chất nhiễm bẩn được phát hiện ở lượng vết đã được thừa nhận hoặc mức nền.

CHÚ THÍCH: Chú ý đến các yêu cầu của 5.7 k) và 5.7 p).

5.5 Công bố về tính bền vững

Các khái niệm liên quan đến tính bền vững là rất phức tạp và vẫn đang được nghiên cứu. Tại thời điểm này chưa có phương pháp rõ ràng để đo hoặc xác nhận kết quả đo tính bền vững. Vì vậy, không thực hiện các công bố về tính bền vững.

5.6 Sử dụng phần giải thích

Tự công bố về môi trường phải kèm theo phần giải thích, nếu chỉ có công bố mà không có sự giải thích thì sẽ gây ra sự hiểu lầm. Một công bố về môi trường chỉ cần công bố mà không cần có phần giải thích nếu công bố đó là đúng cho mọi trường hợp đã dự đoán trước mà không cần có trình độ hiểu biết gì đặc biệt.

5.7 Các yêu cầu cụ thể

Tự công bố về môi trường và bất kỳ phần giải thích nào cũng phải tuân theo tất cả các yêu cầu trong 5.7.